

XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỪ ĐIỂN NGÔN NGỮ TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM

PHẠM HÙNG VIỆT*

Abstract: Author's Dictionary, also called *Author's Language Dictionary*, is a type of reference work that provides information about the vocabulary of an author, based on the corpus of a famous work or the collected works of a renowned author. In Vietnam, this type of dictionary has been rarely compiled and is not widely known. Since the pioneering work of scholar Đào Duy Anh - *Dictionary of The Tale of Kiều* (1974), only two other dictionaries have been published: *Dictionary of The Tale of Lục Vân Tiên* (1987) by Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần and *Nguyễn Trãi's Quốc âm Dictionary* (2014) by Trần Trọng Dương.

This article presents analyses of these three dictionaries from the perspective of lexicography. Through the analysis, the article highlights the fundamental aspects of compiling dictionaries of this type, the actual structure of such dictionaries in Vietnam, and offers some observations as well as proposes a structural model and development orientation for author's dictionaries in Vietnam.

Keywords: *dictionary, Lexicography, author's dictionary, macrostructure, microstructure.*

1. Mở đầu

Từ điển tác giả - author's dictionary: “Một loại tài liệu tham khảo cung cấp thông tin về vốn từ vựng của một tác giả cụ thể. Tài liệu này thường dựa trên tập hợp văn bản (corpus) của một hoặc nhiều tác phẩm của tác giả, thường được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái, với các ví dụ hoặc ngữ cảnh (nhưng không có định nghĩa) của các từ được trích dẫn.” (R.R.K. Hartmann & Gregory James, 2002:10). Trên thế giới, đã có một số cuốn từ điển rất nổi tiếng thuộc loại hình từ điển này, chẳng hạn như cuốn *Từ điển Shakespeare* của Alexander Schmidt thường được biết đến với tên *Shakespeare - Lexicon* hoặc *Shakespeare Lexicon and Quotation Dictionary*, được xuất bản lần đầu vào năm 1902; cuốn *Thi kinh từ điển* của Hường Hy, xuất bản lần đầu vào năm 1915, rồi cuốn *Từ điển Puskin* của Vinogradov, xuất bản năm 1956, *Từ điển Tục truyện ba tập của M. Gorki* (1974),... Ở Việt Nam, loại hình từ điển này còn ít được biên soạn và cũng ít được biết đến. Kể từ công trình mở đầu của học giả Đào Duy Anh: *Từ điển truyện Kiều* (1974), cho đến nay, cũng chỉ có thêm 2 quyển từ điển được ghi nhận là *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* (năm 1987) của Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần và *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển* (2014) của Trần Trọng Dương.

2. Phân tích ba cuốn từ điển tác giả hiện có ở Việt Nam dưới góc độ từ điển học**2.1. Từ điển Truyện Kiều****2.1.1. Giới thiệu về Từ điển Truyện Kiều**

Truyện Kiều là một truyện thơ nổi tiếng nhất, thuộc hàng kinh điển trong văn học Việt Nam của đại thi hào Nguyễn Du. Tác phẩm được viết bằng chữ Nôm, theo thể lục bát, gồm 3.250 câu. *Từ điển Truyện Kiều* - cuốn từ điển rất công phu của học giả Đào Duy Anh không chỉ là một tài liệu tra cứu thông thường mà còn là một công cụ quý giá giúp độc giả hiểu sâu hơn về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Từ điển này giúp giải thích các từ ngữ, cụm từ và thành ngữ phức tạp trong *Truyện Kiều*, đồng thời cung cấp các ví dụ và ngữ cảnh để độc giả hiểu rõ hơn về ý nghĩa và cách sử dụng của chúng. Sách được in lần đầu năm 1974, sử dụng cho bài viết là cuốn do Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin ấn hành năm 2000, dày 757 trang. Cuối sách có văn bản *Truyện Kiều* do Đào Duy Anh tự soạn lại trên cơ sở 13 cuốn đã có trước đó.

2.1.2. Về cấu trúc bảng từ (cấu trúc vĩ mô - macrostructure) của Từ điển Truyện Kiều

- Về quan điểm thu thập từ ngữ trong tác phẩm *Truyện Kiều*: Tác giả “thu thập tất cả những từ, thành ngữ và từ tổ được Nguyễn Du dùng trong *Truyện Kiều*” (Đào Duy Anh, 2000:6), tuy nhiên tác giả cũng nói rõ “Từ điển này không chép những tên riêng, hư cấu của tác phẩm nhưng những tên riêng về địa lí và có quan hệ với các hình tượng và điển tích văn học thì đều được ghi chép và giải thích cũng như các từ thường” (Đào Duy Anh, 2000:8).

* Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng; Email: vietpham1504@gmail.com

- Theo thống kê của chúng tôi, quyển từ điển này có tổng số 2.321 đơn vị mục từ, trong đó từ đầu mục hầu hết là các từ đơn, tuy nhiên cũng có một số ít từ ghép hoặc cụm từ, thành ngữ được lấy làm từ đầu mục, ví dụ các từ đầu mục: *Bốc rời, Bợn già, Cải nhiệm, Cặp sách, Cân đai, Chấn gối, Chính danh, Ngồi tan, Ngó Lào, Cuội cung mây, Bì sắc tư phong, Bình nguyên quân, Quan âm các, Nạp thái vu quy, Tề chỉnh uy nghi, Tú khẩu ngậm tâm, Tư mã phượng cầu, Thường tướng khao binh, ...* Các từ ghép, cụm từ và thành ngữ này là những đơn vị chỉ xuất hiện 01 lần trong *Truyện Kiều* và không thuộc vào một từ đơn nào trong số các từ được đưa làm từ đầu mục. Đây là lí do để tác giả xếp các cụm từ và thành ngữ nêu trên thành một mục từ riêng trong từ điển, khác với cách sắp xếp các cụm từ và thành ngữ để ở trong từ đầu mục như nêu ở phần dưới.

- Với mỗi mục từ có từ đầu mục là từ đơn thì các cụm từ và thành ngữ có từ đơn này xuất hiện trong từ điển đều được đưa vào giải thích trong mục từ đơn đó. Chẳng hạn, mục từ **MỘT** có 16 cụm từ, 6 thành ngữ và ba câu thơ (phân tích ở phía dưới); mục từ **ĂN** có 7 cụm từ và 1 thành ngữ; mục từ **BA** có 17 cụm từ và 3 thành ngữ; mục từ **ĐƯỜNG** có 9 cụm từ và 4 thành ngữ; mục từ **LÔNG** có 24 cụm từ và 6 thành ngữ; mục từ **TÌNH** có 21 cụm từ và 4 thành ngữ;... thành thử, số lượng các từ ngữ được đưa vào giải nghĩa trong Từ điển *Truyện Kiều* (TĐTK) lên đến hơn chục nghìn đơn vị, xuất phát từ 2.321 đơn vị gốc.

- Với cách đưa các cụm từ và các thành ngữ có chứa từ đầu mục (là từ đơn) vào nội dung mục từ của từ đầu mục là từ đơn đó, kèm theo cách giải nghĩa và các thông tin giống như cách làm với từ đầu mục, có thể thấy cách sắp xếp của mục từ trong TĐTK là gần với cách sắp xếp kép (multiple) trong Từ điển học, phân biệt với cách sắp xếp đơn (single) là cách sắp xếp của các từ điển hiện nay thường dùng.

- Từ điển sắp xếp theo trật tự ABC, trong đó các vần CH, KH, NG, NH, TH, TR tách thành các vần riêng. Có một ngoại lệ là trường hợp I-Y. Trong từ điển này, hai vần I và Y được xếp liền nhau. Tác giả giải thích cho cách sắp xếp này "... tôi thấy chữ i và chữ y âm giống nhau mà nhiều khi cũng không có phân biệt gì trong sự dùng, chỉ là do thói quen mà viết *ti* hay *ty*, nên xếp chữ y ra cuối cùng xa cách hẳn với chữ i thì thấy có chỗ không ổn, cho nên tôi xin phép xếp chữ y ngay ở sau chữ i, xin độc giả lượng xét cho."

1.1.3. Về cấu trúc mục từ (cấu trúc vi mô - microstructure) của Từ điển *Truyện Kiều*

1.1.3.1. Các loại thông tin

Từ điển *Truyện Kiều* cung cấp một lượng thông tin rất phong phú. Có 11 loại thông tin sau được đưa vào cấu trúc mục từ gồm:

- (1) thông tin về từ đầu mục;
- (2) thông tin về số lần xuất hiện của từ đầu mục đó trong *Truyện Kiều* (đặt trong ngoặc đơn);
- (3) thông tin về đa nghĩa và số thứ tự nghĩa của từ đầu mục (đối với các từ đầu mục là từ đa nghĩa, mỗi nghĩa được phân biệt với nhau bằng chữ số Ả rập: 1, 2, 3, ...);
- (4) thông tin về lời định nghĩa của từng nghĩa đối với từ đầu mục là từ đa nghĩa;
- (5) thông tin về số lần xuất hiện của từng nghĩa;
- (6) thông tin về câu ví dụ trích trong *Truyện Kiều* của từng nghĩa;
- (7) thông tin về số thứ tự của câu thơ trong truyện có chứa từ đầu mục ở từng nghĩa;
- (8) thông tin về các tổ hợp của từ và các cụm từ cố định, các thành ngữ trong đó có từ đầu mục đứng ở đầu (đặt sau kí hiệu -//, in đậm);
- (9) thông tin về số lần xuất hiện của cụm từ hoặc thành ngữ đó trong *Truyện Kiều*;
- (10) thông tin về lời giải thích cho cụm từ hoặc thành ngữ;
- (11) thông tin về số thứ tự của câu thơ trong truyện có chứa cụm từ hoặc thành ngữ;

Ở dạng phong phú nhất, một từ đầu mục hàm chứa 11 loại thông tin như nêu ở trên.

1.1.3.2. Phân tích cụ thể cấu trúc mục từ của từ **MỘT** trong Từ điển *Truyện Kiều*, ta có thể biết được những điều sau qua các thông tin hàm chứa trong mục từ này:

- Đây là từ có số lần xuất hiện rất nhiều trong TĐTK: 307 lần; cũng là từ có số lần xuất hiện cao nhất trong số 2.321 từ được đưa vào làm từ đầu mục. Các từ có số lần xuất hiện cao tiếp theo là **ĐÃ** - 265 lần, **NGƯỜI** - 214 lần, **NÀNG** - 199 lần, **NÀY** - 195 lần, **CŨNG** 181 lần, **LÒI** - 167 lần, **LÔNG** - 162 lần, **RẰNG** 160 lần, ...

- Đây là một từ đa nghĩa, gồm 6 nghĩa được sử dụng trong *Truyện Kiều*.

+ Nghĩa thứ nhất là *con số*, với 196 lần xuất hiện, ví dụ như: *Trải qua một cuộc bể dâu / Một trai con thứ rớt lòng*, ...; mục từ này cũng cho thấy được số thứ tự của 196 câu thơ có chứa từ MỘT với nghĩa này trong *Truyện Kiều*; chẳng hạn các câu số 3, 27, 28, 32, 34, 42, 78, ...

+ Nghĩa thứ hai: *nghĩa như cũng một*, 8 lần xuất hiện, ví dụ như: *Cũng người một hội một thuyền đầu xa*; mục từ này cũng cho thấy được số thứ tự của 8 câu thơ có chứa từ MỘT với nghĩa này trong *Truyện Kiều*; chẳng hạn các câu số 202, 812, 1.381, ...

+ Nghĩa thứ ba: có nghĩa như *phải cho được*. Nghĩa này chỉ xuất hiện một lần ở câu thơ 2.818: *Còn tôi tôi một gặp nàng mới thôi*.

+ Nghĩa thứ tư: *Có nghĩa như cả*, ví dụ: *Một thì* (câu 63), *Một vùng* (37 câu), chẳng hạn các câu thơ số 9: *Một vùng cỏ áy bóng tà*, các câu 144, 261...

+ Nghĩa thứ 5: Có nghĩa như *chỉ một*; nghĩa này xuất hiện 47 lần trong 47 câu thơ, có ghi rõ số thứ tự từng câu trong *Truyện Kiều*. Ví dụ: *Một mình lặng ngắm bóng nga* (câu 177); các câu 186, 217, 242, 328, 375, ...

+ Nghĩa thứ 6: Từ MỘT trùng điệp có nghĩa *chỉ hai hiện tượng xảy ra đồng thời hay liên tiếp*; ý này xuất hiện 6 lần ở các câu thơ số 561, 1122, 1805, ví dụ: *Ngại ngừng một bước một xa*; hoặc chỉ tình hình càng thêm dần, ví dụ: *Một lời là một*; có khi trồn chữ một đầu, ví dụ: *Tin nhà ngày một vắng tin* (câu 1.479), *Ruột tằm ngày một héo hon* (câu 2.833).

- Từ MỘT cũng là từ xuất hiện trong rất nhiều các cụm từ và thành ngữ trong *Truyện Kiều*. Tất cả các cụm từ và thành ngữ loại này đều được tập hợp vào trong nội dung của mục từ MỘT, đặt sau kí hiệu -//, in đậm. Cụ thể, trong mục từ MỘT, sau kí hiệu -// có đưa 16 cụm từ: **Một bề, Một chiều, Một chút, Một hai, Một hơi, Một lòng, Một mình, Một mực, Một niềm, Một tay, Một thác, Một thân, Một và, Một vài, Một vùng, Muôn một**; 6 thành ngữ: **Một cốt một đồng, Một dày một mỏng, Một giọt mưa rào, Một hội một thuyền, Một tỉnh mười mê, Một vực một trời**; và 3 câu thơ **Một hai nghiêng nước nghiêng thành, Một ngày lạ thói sai nha, Một trời thu để riêng ai một người**. Tất cả các cụm từ và thành ngữ này đều được giải thích ý nghĩa, cho thấy số lần xuất hiện và số thứ tự các câu thơ có cụm từ, thành ngữ đó trong *Truyện Kiều*; chẳng hạn: // **Một bề** (1): Một chiều, một phía, một bên; có ý nghĩa không thể tự do lựa chọn được. Vd. *Có sao chịu tốt một bề*, 975; ... **Một cốt một đồng**, 1.162: Một bên là bà cốt, một bên là ông đồng, đều là phường lừa bịp; **Một hội một thuyền**, 202: Chỉ người cùng ở một hội, cùng đi một thuyền (có câu chữ Hán: Đồng châu cộng tề), nên thương yêu giúp đỡ nhau, ...

Các mục từ được trình bày súc tích, trung bình khoảng 8-9 dòng một mục từ, trừ những mục từ có nhiều nghĩa, có khả năng kết hợp cao, tạo thành nhiều cụm từ cố định ... có thể tới vài trang (mục từ ĐÃ, NGƯỜI, NÀY, ...), thậm chí có từ đến 4 trang (mục từ MỘT).

Để xác lập và giải thích được nghĩa của 2.321 đơn vị gốc và khoảng hơn chục nghìn cụm từ và thành ngữ có trong từ điển đòi hỏi tác giả phải có một vốn hiểu biết rất sâu sắc về ngôn ngữ học, về từ điển học; có kiến thức uyên thâm về Hán học, văn học, lịch sử, văn hoá học, ... có một sức làm việc bền bỉ, kiên trì, công phu. *Từ điển Truyện Kiều* cho thấy ở Đào Duy Anh đã hội tụ được đầy đủ những điều kiện như vậy.

2.2. Từ điển truyện Lục Vân Tiên

2.2.1. Giới thiệu về Từ điển truyện Lục Vân Tiên

Lục Vân Tiên là một tác phẩm truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, được sáng tác theo thể lục bát vào đầu những năm 50 của thế kỉ XIX. Đây là một trong những sáng tác có vị trí cao của văn học Việt Nam. *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* (của Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuận) là cuốn từ điển giải thích chi tiết về các từ ngữ, cụm từ, nhân vật và sự kiện trong tác phẩm *Lục Vân Tiên*, cho thấy được tài năng sử dụng từ ngữ của tác giả cũng như cung cấp được những tư liệu quý giá về từ ngữ tiếng Việt qua phương ngữ Nam Bộ cách nay gần hai thế kỉ. Sách được in lần đầu năm 1987, Cuốn sử dụng cho bài viết do Nhà xuất bản Thanh niên ấn hành năm 2004, dày 510 trang. Cuối sách có văn bản và khảo dị truyện *Lục Vân Tiên*.

2.2.2. Về cấu trúc bảng từ (cấu trúc vĩ mô) của Từ điển truyện Lục Vân Tiên

- Quan điểm của tác giả: “Khi cùng nhau bắt tay xây dựng quyển từ điển này, chúng tôi đã lập phiếu giải nghĩa tất cả các từ của truyện *Lục Vân Tiên*, kể cả từ khó lẫn từ dễ hiểu. Nhưng sau đó

nhận thấy một cuốn từ điển như thế sẽ quá dày, không thích hợp với hoàn cảnh của công tác xuất bản hiện tại, bởi vậy chúng tôi đành phải thu hẹp lại, chỉ giải nghĩa những từ ngữ mà bạn đọc bình thường có thể coi là khó”. (Nguyễn Quảng Tuân và Nguyễn Khắc Thuần, 2004:6).

- Với quan điểm như vậy, các tác giả đã chọn lựa 1.785 từ ngữ trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* làm từ đầu mục của từ điển (trong tổng số khoảng 6.000 từ ngữ của truyện *Lục Vân Tiên*).

Gồm các đơn vị:

+ Từ đơn, ví dụ: *an, ắt, bầu, bề, bôn, chích, phồn, phủ, phước, quấy, quẻ, sề, số, vậy, xao, xây, xây, xuê, yến*.

Số lượng từ đơn tiết làm từ đầu mục trong từ điển rất ít, khoảng hơn 30 từ:

+ Từ ghép: *ái nữ, am mây, an tâm, áo com, âm cung, âu lo, bãi binh, bao măm, báo bố, bấy chừ, bình mã, bình tặc, cáo tạ, cần nhiệm, cổ thi, dị nhân, khoa kì...*

+ Cụm từ: *an giấc, cổng Hồ, bùa trời, bầy treo, cho mình, cho tường, thang thuốc, phương nào, đạo rể con, đảng hung đồ, ăn uống cho yên, chém quách cho rồi, đền ba lạy, đều bày tên họ, lập lờ mưu sâu, mặt đỏ phùng phùng, nghĩa quân thân, bắc phương gặp chuột, bẻ đi một giò, ...*

Hai loại (từ ghép và cụm từ) chiếm đại đa số trong bảng từ.

+ Thành ngữ: *ăn chay nằm đất, ăn cơm không đũa, ăn trầu không cau, ăn tuyết nằm sương, ân tình thế lợi, ba lược sáu thao, ba năm nhũ bộ, ba tầng cửa võ, ba trăm dư hào, bá vợ bá vát, bán châu chợ phiên, bạn cùng hươu nai, báo đức thù công, bằng hữu tri giao, bện hình làm tướng, binh đao quan thành, mặc áo không bầu, thế hải minh sơn, ...*

Trong bảng từ, có hai loại từ ngữ đáng chú ý là:

+ Từ ngữ chỉ điển cố, điển tích: *bắn nhận vén mây, bảy mươi mấy mặt, bảy người trước lâm, bớt dàng, Đồi U Lê, đời Ngũ Bá, đời Kiệt Trụ, Gió trắng một túi, kẻ Tán người Tàn, nằm giá, sân trình.*

+ Tên riêng chỉ người hoặc địa danh: *Chiêu Quân, Di Tể, Dị Ky, Gia Cát, họ Bùi, Đồng Công, Đồng Tử, Lữ Phụng Tiên, Ngô Khởi, Ngũ Viên, ... Hà Khê, hang Thương Tông, Liêm lạc, Loan Minh, nước Phiên, nước Ô Qua, Phan Dương, Quận Dương Xuân, Quận Đông Thành, ...* Loại này chiếm số lượng không ít trong Từ điển.

Từ điển được sắp xếp theo trật tự ABC, trong đó các vần CH, KH, NG, NH, TH, TR tách thành các vần riêng.

2.2.3. Cấu trúc mục từ (cấu trúc vi mô) của Từ điển truyện *Lục Vân Tiên*

Từ điển truyện Lục Vân Tiên có 5 loại thông tin sau được đưa vào cấu trúc mục từ, gồm:

- (1) thông tin về từ đầu mục, cho biết từ đó là từ ngữ loại nào;
- (2) thông tin về số thứ tự câu thơ có từ đầu mục (đặt trong ngoặc đơn);
- (3) thông tin về lời giải thích nghĩa cho từ đầu mục (từ, cụm từ hoặc thành ngữ, gồm cả các điển tích, điển cố);
- (4) thông tin về câu ví dụ trích trong truyện *Lục Vân Tiên* (chỉ đưa những câu có chứa từ đầu mục và cần thiết phải giải thích nghĩa của cả câu cho dễ hiểu;
- (5) thông tin về điển tích, điển cố (trường hợp từ đầu mục gắn với điển tích, điển cố).

Ví dụ về hai mục từ trong Từ điển:

“KHOA KỶ (38, 52, 65); kì hạn mở khoa thi, tức kì thi. Nghĩa rộng chỉ cả sự đỗ đạt trong thi cử. *Tôn sư người dạy khoa kỳ còn xa*: người thầy tôn kính (của Vân Tiên) dạy rằng việc đỗ đạt (của Vân Tiên) còn xa lắm. Ý nói ở kỳ thi này thế nào Vân Tiên cũng gặp trắc trở, chưa thể đỗ đạt được. *Thầy bàn một việc khoa kỳ ban trưa*: Thầy học của Vân Tiên bàn về việc thi cử (của Vân Tiên) lúc trưa.”

“ÂN TÌNH THẾ LỢI (1020): Thành ngữ chỉ sự không thể dung hòa. *ÂN* là ơn, *tình* là tình nghĩa, *thế* là đời, *lợi* là lợi ích riêng của mình. Ôn nghĩa, tình cảm với cái lợi riêng ở đời vốn không thể dung hòa nhau, không thể đi chung với nhau. Ở đây Võ Công thấy Vân tiên bị mù rồi thì chỉ nghĩ đến cái lợi riêng của con mình là Võ Thế Loan mà quên hết những ân tình cũ. *Ân tình thế lợi khó tuyền dặng* vậy: Ân tình và lợi lộc ở đời vẫn mâu thuẫn nhau, khó có thể dung hòa trọn vẹn với nhau được.”

Các mục từ nhìn chung được trình bày ngắn gọn, trung bình khoảng 4-5 dòng một mục từ, trừ những mục từ liên quan đến điển tích, điển cố có thể tới mười lăm dòng, thậm chí hơn một trang (mục từ DIỄN THO).

2.3. *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển*

2.3.1. *Giới thiệu về Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển*

“*Quốc âm thi tập* là tập thơ Nôm được viết vào đầu thế kỉ thứ XV bởi đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi (1380-1442) nhà tư tưởng, nhà chính trị lỗi lạc, danh nhân văn hoá thế giới. Đây là tập thơ Nôm cổ nhất, có giá trị nhất và có bản sắc dân tộc nhất còn may mắn sót lại cho đến nay qua biết bao biến cố của lịch sử và sự khắc nghiệt thời gian” (Trần Trọng Dương, 2018:2). Quyển *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển* của nhà nghiên cứu Hán Nôm học - PGS.TS Trần Trọng Dương là công trình từ điển được biên soạn rất công phu về lớp từ vựng được Nguyễn Trãi sử dụng trong *Quốc âm thi tập* - lớp từ vựng gắn với thế kỉ XV, cách xa thời nay đến gần 600 năm. Sách được in lần đầu năm 2014, cuốn sử dụng cho bài viết do Nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 2018, dày 575 trang. Cuối sách có văn bản chữ Nôm *Quốc âm thi tập* và bản phiên mới của tác giả dựa trên các bản đã có.

2.3.2. *Cấu trúc bảng từ (cấu trúc vĩ mô) của Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển*

Cuốn từ điển này sưu tập toàn bộ các từ ngữ, thành ngữ, điển cố... được Nguyễn Trãi sử dụng trong tác phẩm, gồm 2.500 mục từ với số lượng âm tiết khảo sát là hơn 12.000 lượt. Cụ thể, từ điển thu thập: “toàn bộ các yếu tố từ vựng, các từ tố, các thành ngữ - tục ngữ, các điển cố văn học, từ ngữ cũ (gồm từ cổ/từ ngữ lịch sử), tên các nhân vật lịch sử, các địa danh, toán từ logic tình thái (như *chăng, thì chớ...*, v.v.), các hình tiết bản địa Nam Á và hình tiết Hán có khả năng tạo từ (nhất là tạo ra những từ Hán Việt Việt tạo)”. (Trần Trọng Dương, 2018:4)

2.3.3. *Cấu trúc mục từ (cấu trúc vi mô) của Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển*

Theo phần Phạm lệ (nội dung và cấu tạo của từ điển) (Trần Trọng Dương, 2018:4-5), cấu trúc mục từ cung cấp được rất nhiều thông tin chi tiết và sâu (10 loại thông tin).

- Đầu mục từ, được in đậm, chỉ viết hoa đối với địa danh và nhân danh, nếu là từ quan chức thì chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên.

- Chữ Hán (đối với các từ gốc Hán).

- Âm Hán Việt, hoặc âm phương ngữ nào đó của tiếng Hán có khả năng là âm gốc tạo nên yếu tố đang xét đến. Âm phiên thiết. Kiểu tái lập của các từ cổ và từ gốc Hán,... chữ Hán và chữ Nôm dùng để ghi các âm đó, nghĩa từ nguyên của mục từ đang xét.

- Từ loại: gồm 9 từ loại, cho cả từ và tổ hợp từ.

- Chủ thích phong cách, phạm vi sử dụng, sắc thái tu từ...: gồm 8 loại.

- Lời tường giải (có thể trích dẫn các từ điển điển cố để minh hoạ).

- Các từ ngữ tiếng Hán mà mục từ đó đối dịch

- Ví dụ được trích dẫn trong tác phẩm *Quốc âm thi tập* và các văn liệu, thi liệu hữu quan. Các trích dẫn trong *Quốc âm thi tập* được trở nguồn bằng tên bài, số thứ tự bài, vị trí câu.

- Từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ có liên quan, các đồng nguyên tự, các từ có mối tương ứng ngữ âm và ngữ nghĩa.

- Chủ thích khác (như liên quan đến thi pháp, phong cách học)...

Thí dụ về mục từ *cơ* trong Từ điển:

“*cơ* 機 © ahv: ki, kê

dt. <từ cổ> mưu, mưu tính trong cơ mưu (cơ = mưu), nghĩa này hô ứng với chữ “toan”. *Thưa cuộc được toan chi cơ Hán Sở, Nên chăng đành lẽ kiện Thương Chu.* (Thuật hứng 58.3). Chuyện thua hay được thì tính toán làm chi đến cái mưu của Hán hay Sở; thành hay bại cũng đành thuận theo việc nhà Chu thay nhà Thương.” (Trần Trọng Dương, 2018:78).

Điều thú vị là có nhiều từ cổ, mà nếu không có sách này hoặc loại sách công cụ chuyên môn khác để tra cứu, chúng ta ngày nay khó lòng đọc hiểu được *Quốc âm thi tập*, như những từ: **chỉn** (nghĩa là: *chỉ, chỉ có / vẫn / nên*), **mựa** (nghĩa là: *chớ, không*), **tịn** (nghĩa là: *tận*), **đãi đẳng** (nghĩa là: nói chuyện, giải bày, tâm sự), **một đường** (nghĩa là: như nhau, hoàn toàn), **song viết** (nghĩa là: của cải, tư nghiệp, cuộc sống), **thú thừa** (nghĩa là: xuềnh xoàng),...

Thí dụ:

“mưa 無 © ahv: vô. M > V: mô (Nam mô) > vô. Nôm: 馬馬

p. <từ cô> chó, không. *Liêm, cần tiết cả tua hằng năm, Trung, hiểu niềm xưa mưa nở dòi.* (Ngôn chí 10.6) || *Con cháu mưa hiềm song viết tiện, Nghìn đầu cam quýt ấy là tôi.* (Ngôn chí, 13.7). || *Hỷ nộ cương nhu tuy đã có, Nghĩa nhân lễ trí mưa cho khuây.* (Mạn thuật, 25.6) || (Trần tình 44.7) || (Thuật hứng 59.8) || (Tự thán 87.8, 91.2, 93.8, 95.6, 103.5, 108.4, 111.4)||...” (Trần Trọng Dương, 2018:238).

Các mục từ nhìn chung được trình bày ngắn gọn, súc tích, nhiều thông tin, trung bình khoảng 7-8 dòng một mục từ, trừ những mục từ liên quan đến điển tích, điển cố hoặc cần viện dẫn nhiều nguồn để giải thích cho rõ có thể tới vài ba chục dòng, thậm chí đến hai trang (mục từ **Thương Chu**).

Với một công trình dày dặn, xác lập và giải thích được nghĩa của 2.500 mục từ với số lượng âm tiết khảo sát là hơn 12.000 cùng với hệ thống thông tin chuyên sâu rất phong phú kèm theo, *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển* đã cho thấy được vốn hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ học, về từ điển học; về Hán Nôm học, văn học, lịch sử, văn hoá học... của nhà nghiên cứu - PGS.TS Trần Trọng Dương.

3. Nhận xét, bàn luận

Qua việc phân tích ba cuốn từ điển nói trên, có thể đi đến một số nhận xét và bàn luận như sau.

Thứ nhất: Về tác giả được lựa chọn để biên soạn Từ điển tác giả

Tác giả được lựa chọn để biên soạn từ điển là những nhà văn, nhà văn hoá lớn của dân tộc, có tầm ảnh hưởng nhất định đến xã hội. Tác phẩm được lựa chọn là tác phẩm tiêu biểu của tác giả, có vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử phát triển của dân tộc, có vị trí trong đời sống xã hội và văn hoá.

Vấn đề đặt ra là: ngoài ba tác giả là Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu đã có tác phẩm được biên soạn thành từ điển, có thể chọn thêm tác giả, tác phẩm nào nữa ở nước ta để biên soạn từ điển tác giả? Theo chúng tôi, có thể cân nhắc để chọn làm đối tượng của Từ điển tác giả, gồm một số tác giả từ thời trước như: Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú,... đến các tác giả thời hiện đại, nhà chính trị, nhà văn hoá, lãnh tụ có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội như Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh.

Thứ hai: Về bảng từ của từ điển

Trong ba từ điển trên thì bảng từ của *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển* bao gồm toàn bộ các yếu tố từ vựng có trong *Quốc âm thi tập*; *Từ điển Truyện Kiều* thu thập tất cả những từ, từ tổ và thành ngữ có trong *Truyện Kiều*, trừ các tên riêng, hư cấu, còn *Từ điển Lục Vân Tiên* lại chỉ “bao gồm những từ ngữ mà bạn đọc bình thường có thể coi là khó”. Như vậy có sự khác nhau trong quan niệm bảng từ của các tác giả, dẫn đến sự khác nhau về cách đưa từ ngữ trong tác phẩm vào từ điển. Đây cũng là một nội dung cần có sự nhìn nhận để xác định từ đâu cách đưa từ ngữ trong tác phẩm vào từ điển. Đối với loại từ điển cho một tác phẩm của tác giả, theo chúng tôi, cần đưa tất cả các từ ngữ có trong tác phẩm đó vào từ điển. Đối với loại từ điển cho nhiều hoặc toàn bộ tác phẩm của một tác giả thì cần phải cân nhắc thêm để lựa chọn cách đưa thỏa đáng.

Thứ ba: Về các thông tin trong mục từ của từ điển

Hai trong ba cuốn từ điển nêu trên (*Từ điển Truyện Kiều* và *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển*) có hệ thống thông tin trong cấu trúc mục từ rất phong phú, 10-11 loại thông tin. *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* đưa 5 loại thông tin. Điều này cũng cho thấy sự khác nhau của các tác giả khi tổ chức thông tin cho mỗi mục từ trong từ điển.

Về nguyên tắc, mỗi mục từ của từ điển loại này cần tích hợp được càng nhiều thông tin càng tốt, vì sẽ giúp cho người đọc hiểu sâu, hiểu rộng hơn về tác phẩm. Tuy nhiên điều này còn tùy thuộc vào năng lực của tác giả cũng như các điều kiện khách quan và chủ quan khác.

4. Đề xuất mô hình cho một cuốn từ điển tác giả

Từ việc phân tích ba cuốn từ điển về tác giả hiện có ở Việt Nam và qua phân nhận xét, thảo luận, ở dạng tổng quát nhất, chúng tôi đề xuất mô hình cấu trúc cho một cuốn từ điển tác giả như sau:

4.1. Phần đầu sách (có thể gọi là Siêu cấu trúc)

- (1) Lời nói đầu (lời tựa): cho biết được giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả, mục đích của cuốn sách.
- (2) Cấu trúc của từ điển: cho biết cách trình bày từ điển về hình thức và nội dung.
- (3) Hướng dẫn sử dụng: Hướng dẫn cách tra cứu, cách khai thác thông tin có trong từ điển.

4.2. Cấu trúc bảng từ (cấu trúc vĩ mô):

4.2.1. *Từ đầu mục*: về nguyên tắc, gồm tất cả các đơn vị từ vựng có trong tác phẩm (các tác phẩm) của tác giả đó, bao gồm:

- Yếu tố cấu tạo từ có sức sản sinh cao
- Từ đơn
- Từ ghép
- Cụm từ
- Thành ngữ

Trong các đơn vị từ vựng nói trên, bao gồm cả các từ ngữ là tên gọi của địa danh, nhân danh, điển cố, điển tích.

4.2.2. *Về trật tự sắp xếp*: theo trật tự chữ cái tiếng Việt: A, Ă, Â, B, C, D, Đ, E, Ê, F, G, H, I, J, K, L, M, N, O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ư, V, X, Y, Z.

Các đơn vị trong bảng từ được sắp xếp liên tục từ đầu đến cuối, có vị trí ngang bằng nhau để thuận lợi cho tra cứu (theo cách sắp xếp đơn - Single).

4.3. Cấu trúc mục từ (cấu trúc vi mô): Gồm các thông tin sau:

- (1) Thông tin về từ đầu mục: (viết chữ in hoa hoặc chữ thường in đậm).
- (2) Thông tin chú giải chữ Hán, chữ Nôm (tùy thuộc từng loại tác phẩm).
- (3) Thông tin về số lần xuất hiện của từ đầu mục đó trong tác phẩm (đặt trong ngoặc đơn).
- (4) Thông tin về từ loại.
- (5) Thông tin về phong cách.
- (6) Thông tin về đa nghĩa và số thứ tự nghĩa của từ đầu mục (đối với các từ đầu mục là từ đa nghĩa, mỗi nghĩa được phân biệt với nhau bằng chữ số Ả rập: 1, 2, 3, ...).
- (7) Thông tin về lời định nghĩa của từng nghĩa đối với từ đầu mục là từ đa nghĩa.
- (8) Thông tin về câu ví dụ trích trong tác phẩm của từng nghĩa.
- (9) Thông tin về số thứ tự của câu thơ, câu văn được lấy làm ví dụ ở từng nghĩa.
- (10) Thông tin về lời giải nghĩa cho câu ví dụ (trường hợp hợp cần thiết).
- (11) Thông tin về đồng nghĩa, trái nghĩa.

Trên đây là 11 loại thông tin cơ bản chúng tôi đề xuất cho một mục từ của từ điển tác giả. Tùy theo mục đích của tác giả khi biên soạn, các thông tin có thể đưa ít hơn hoặc tách ra nhiều hơn.

5. Kết luận

Từ điển tác giả là loại hình từ điển xuất hiện ở nước ta chưa lâu. Với ba công trình: *Từ điển truyện Kiều* của Đào Duy Anh (1974), *Từ điển truyện Lục Vân Tiên* (năm 1987) của Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần và *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển* (2014) của Trần Trọng Dương, có thể khẳng định được sự có mặt, vai trò và tác dụng của loại hình từ điển này ở nước ta. Qua việc phân tích cấu trúc của ba cuốn từ điển nêu trên, bài viết cho thấy được những điểm cơ bản của việc biên soạn từ điển thuộc loại hình này, cấu trúc trên thực tế của loại hình từ điển này ở Việt Nam, đồng thời nêu lên một số ý kiến nhận xét, đề xuất về mô hình cấu trúc lí thuyết cho loại hình từ điển tác giả ở Việt Nam. Với sự quan tâm nhiều hơn của các nhà ngôn ngữ học, nhà từ điển học, nhà văn hoá học, hi vọng thời gian tới sẽ có thêm những công trình mới về từ điển tác giả ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Duy Anh. (2000). *Từ điển truyện Kiều*. NXB Văn hoá - Thông tin. Hà Nội.
2. Trần Trọng Dương. (2018). *Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển*. NXB Văn học. Hà Nội.
3. Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Thuần. (2004). *Từ điển truyện Lục Vân Tiên*. NXB Thanh niên. Hà Nội.
4. Phạm Hùng Việt (chủ biên). (2011). *Lý luận, phương pháp luận Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam (một số vấn đề cơ bản)*. NXB Từ điển Bách khoa. Hà Nội.

Tiếng Anh

5. R.R.K. Hartmann & Gregory James. (2002). *Dictionary of Lexicography*. ROUTLEDGE London and New York.
6. B. T. Sue Atkins and Michael Rundell. (2008). *The Oxford Guide to Practical Lexicography*. Oxford University Press.